

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Cục Môi trường - Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ - Bộ Xây dựng theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện để báo cáo lãnh đạo hai Bộ.

2. Các Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với các Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, thanh tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn địa phương nhằm thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản quy định của Thông tư liên tịch này.

3. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần kịp thời phản ánh về Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết.

KT. Bộ trưởng Bộ Xây dựng
Thủ trưởng

TỔNG VĂN NGÀ

KT. Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ
và Môi trường
Thủ trưởng

PHẠM KHÔI NGUYỄN

**TÀI CHÍNH - KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG**

**THÔNG TƯ liên tịch số 139/1998/TTLT-
BTC-BKHCNMT ngày 23/10/1998
hướng dẫn chế độ thu, quản lý và sử
dụng phí thẩm định, lệ phí đăng ký
Hợp đồng chuyển giao công nghệ.**

Căn cứ Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 01/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 276/CT ngày 28/7/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng

Chính phủ) về việc thống nhất quản lý các loại phí và lệ phí;

Liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ do cơ quan được phân cấp phê duyệt như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG NỘP PHÍ

Tất cả các tổ chức, cá nhân xin phê duyệt, đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định của Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ phải nộp phí thẩm định, lệ phí đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ (dưới đây gọi tắt là phí, lệ phí).

II. MỨC PHÍ

- Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị Hợp đồng nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng và tối thiểu không dưới 2 triệu đồng.

- Đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ xin bổ sung, sửa đổi thì phí thẩm định phải nộp bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị Hợp đồng sửa đổi, nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng và tối thiểu không dưới 1 triệu đồng.

- Đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ không phải phê duyệt, nhưng phải đăng ký tại Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thì mức lệ phí là 200.000 đồng cho mỗi Hợp đồng.

- Phí thẩm định, lệ phí đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ thu bằng tiền đồng Việt Nam. Trường hợp phí thẩm định tính trên giá trị Hợp đồng bằng ngoại tệ thì phải quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm tính mức phí thẩm định.

III. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHÍ THẨM ĐỊNH

1. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Hợp đồng chuyển giao công nghệ (dưới đây gọi tắt là cơ quan thẩm định) theo quy định của Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 01/7/1998 của Chính phủ trực tiếp thu phí, lệ phí theo quy định của Thông tư này.

2. Toàn bộ số tiền phí, lệ phí thu được là khoản thu của ngân sách nhà nước. Cơ quan thẩm định được tạm để lại 50% số tiền thu được để sử dụng chi phục vụ cho công tác thẩm định, phê duyệt Hợp đồng chuyển giao công nghệ, số tiền còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan thẩm định được phép mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để quản lý, theo dõi riêng việc sử dụng 50% tổng số tiền phí, lệ phí được tạm trích nêu trên nhằm kịp thời trang trải các chi phí trong quá trình thẩm định như quy định tại khoản 5, mục III Thông tư này.

4. Hàng quý, căn cứ vào quyết toán của cơ quan thẩm định, cơ quan tài chính cùng cấp làm thủ tục ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước số tiền thực chi đúng mục đích, đúng chế độ, định mức quy định và có chứng từ hợp lệ mà cơ quan thẩm định đã sử dụng từ số tiền được tạm trích.

Cơ quan thẩm định có trách nhiệm báo cáo quyết toán việc sử dụng số tiền tạm trích với cơ quan chủ quản để tổng hợp quyết toán với cơ quan tài chính cùng cấp theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

5. Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ, lệ phí đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ được sử dụng cho các mục đích dưới đây và phải tuân theo các quy định về quản lý tài chính, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành của Nhà nước:

a) Chi phí cho các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu, đánh giá, nhận xét các tài liệu có liên quan đến công nghệ và chuyển giao công nghệ các dự án, theo các hợp đồng kinh tế ký kết giữa tổ chức, cá nhân với cơ quan có trách nhiệm phê duyệt Hợp đồng chuyển giao công nghệ (trường hợp cơ quan thẩm định không đủ khả năng thẩm định);

b) Lập hồ sơ thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia phản biện;

c) Chi phí cho cuộc họp của Hội đồng thẩm định các dự án;

d) Chi phí cho công tác kiểm tra, thẩm định công nghệ của các Hợp đồng chuyển giao công nghệ, kiểm tra việc thực hiện chuyển giao công nghệ của các dự án;

e) Chi phí mua thông tin tài liệu để thẩm định;

g) Chi phí tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ;

h) Chi phí in ấn, dịch thuật tài liệu;

i) Bổ sung chi phí mua sắm phương tiện làm việc, thiết bị văn phòng phục vụ cho công tác thẩm định (theo dự toán được duyệt);

k) Chi bồi dưỡng làm thêm giờ, tăng cường độ lao động cho cán bộ cơ quan thẩm định trực tiếp thực hiện các công tác thẩm định hồ sơ và làm các thủ tục thu phí, lệ phí nhưng mức bồi dưỡng một năm tối đa không quá 3 tháng lương cơ bản của mỗi cán bộ.

IV. QUY TRÌNH THU, NỘP PHÍ, LỆ PHÍ

1. Cơ quan thẩm định khi tiếp nhận đơn, hồ sơ đề nghị thẩm định công nghệ cần chuyển giao của tổ chức, cá nhân phải thực hiện thu ngay mức lệ phí đăng ký và mức phí tối thiểu phải nộp theo quy định của mỗi loại Hợp đồng (2 triệu đồng đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ mới hoặc 1 triệu đồng với Hợp đồng chuyển giao công nghệ sửa đổi, bổ sung).

Sau khi thẩm định và xác định xong mức giá thanh toán cho việc chuyển giao công nghệ, cơ quan thẩm định căn cứ vào mức phí thu theo hướng dẫn của Thông tư này, tiến hành thu nốt số tiền phí thẩm định còn lại phải nộp (nếu có) của tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định.

2. Thủ tục nộp tiền vào ngân sách nhà nước:

- Chậm nhất sau 5 ngày kể từ khi thu tiền phí, lệ phí, cơ quan thẩm định phải nộp tờ khai về toàn bộ số phí, lệ phí đã thu được và số tiền phải nộp ngân sách (50% toàn bộ số tiền phí, lệ phí thu được) cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

- Nhận được tờ khai của cơ quan thẩm định gửi đến, cơ quan thuế thực hiện kiểm tra tờ khai, đối chiếu với chứng từ thu đã phát hành và sử dụng để xác định số tiền phải nộp ngân sách. Chậm nhất sau 5 ngày kể từ ngày nhận được tờ khai của cơ quan thẩm định, cơ quan thuế thông báo trở lại cho cơ quan thẩm định về số tiền phải nộp ngân sách (50% tổng số tiền phí, lệ phí thu được), thời hạn nộp, chương loại, khoản mục tương ứng theo quy định của Mục lục ngân sách nhà nước và số tiền được tạm giữ lại để chi phục vụ cho công tác thẩm định.

- Căn cứ vào thông báo của cơ quan thuế, cơ quan thẩm định thực hiện nộp ngay số tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước và số tiền còn lại được

gửi vào tài khoản của cơ quan thẩm định mở tại Kho bạc Nhà nước như quy định tại Khoản 3, Mục III của Thông tư này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của cơ quan thẩm định:

a) Thông báo công khai mức thu, thủ tục thu phí, lệ phí tại nơi tổ chức thu.

b) Thực hiện chế độ sổ sách, chứng từ, báo cáo kế toán sử dụng phí, lệ phí theo đúng chế độ kế toán, thống kê hiện hành của Nhà nước.

c) Quản lý, sử dụng và quyết toán số phí, lệ phí thu được với cơ quan tài chính quản lý trực tiếp theo phân cấp quản lý đúng chế độ hiện hành.

2. Trách nhiệm của cơ quan thuế, cơ quan Kho bạc Nhà nước:

Cơ quan thuế, nơi cơ quan thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ đóng trụ sở, có trách nhiệm cấp biên lai thu phí, lệ phí cho cơ quan thẩm định. Cơ quan thuế và cơ quan Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thực hiện việc quyết toán biên lai theo quy định hiện hành về quản lý ấn chỉ.

3. Cuối năm ngân sách, cơ quan thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ phải quyết toán số kinh phí đã sử dụng cho công tác thẩm định với cơ quan tài chính cùng cấp theo đúng quy định. Số tiền thu được không sử dụng hết phải nộp kịp thời, đầy đủ vào ngân sách nhà nước.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ
và Môi trường
Thứ trưởng

CHU HẢO

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 128/1998/TT-BTC ngày 22/9/1998 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45-TC/TCT ngày 01/8/1996 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 22/CP ngày 17/4/1996 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

Thi hành Nghị định số 22/CP ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế là hành vi do tổ chức, cá nhân vi phạm những quy định của các Luật thuế, Pháp lệnh về thuế, những quy định về lập chứng từ mua bán hàng hóa, mở và ghi sổ kế toán, những quy định về các khoản thu phí, lệ phí và các quy định hiện hành về các khoản thu khác của Ngân sách Nhà nước nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, phải bị xử phạt hành chính.

2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế:

2.1- Mọi tổ chức, cá nhân Việt Nam nếu có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

2.2- Tổ chức, cá nhân nước ngoài nếu có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì thực hiện theo điều ước đã ký.

3. Cơ quan thu thuế theo quy định tại Nghị định số 22/CP ngày 17/4/1996 bao gồm cơ quan thuế và cơ quan hải quan (đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu).

4. Nguyên tắc, hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế:

4.1- Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế được thực hiện theo Điều 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6/7/1995.